Tuần 24

(13.06.2022 – 17.06.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn T9/2022 giảm 1,51% so với tuần trước xuống mức bình quân 2.072 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2022 giảm 1,79% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 5.045 USD/tấn.
- Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê của Braxin tăng 11% cho niên vụ cà phê 2022 - 2023 (từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2022).
- Xuất khẩu cà phê của khu vực châu Phi giảm 10,1% trong tháng 4, xuống mức 1,1 triệu bao. Trong 7 tháng đầu năm cà phê hiện tại, xuất khẩu của khu vực này đã giảm xuống 7,3 triệu bao từ mức 7,5 triệu bao của cùng kỳ.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

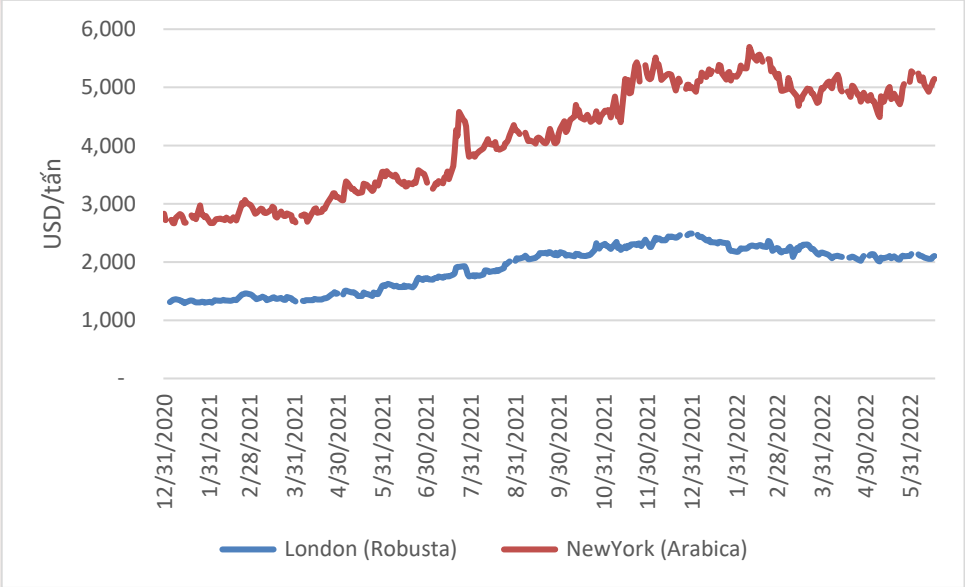

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.072 USD/tấn, giảm 1,51% so với tuần trước, và tăng 30,93% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.104 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.053 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 9/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 5.045 USD/tấn, giảm 1,79% so với mức giá tuần trước và tăng 51,28% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.147 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.924 USD/tấn.

Theo ICO, các lô hàng xuất khẩu của Ấn Độ cũng tăng 7,8% lên 0,6 triệu bao vào tháng 4 và tăng 36,5% lên 4,23 triệu bao trong 7 tháng đầu vụ 2021-2022.

Tương tự, xuất khẩu cà phê từ Indonesia tăng 13,6% lên 0,5 triệu bao vào tháng 4 và tăng 17,0% lên 4,9 triệu bao trong 7 tháng đầu niên vụ hiện tại. Xuất khẩu của Indonesia tăng mạnh là nhờ lượng cà phê hòa tan được vận chuyển ra nước ngoài tăng lên 1,6 triệu bao trong 7 tháng đầu niên vụ hiện tại so với chỉ 1,1 triệu bao của cùng kỳ.

Trong khi đó, xuất khẩu cà phê của khu vực châu Phi giảm 10,1% trong tháng 4, xuống mức 1,1 triệu bao. Trong 7 tháng đầu năm cà phê hiện tại, xuất khẩu của khu vực này đã giảm xuống 7,3 triệu bao từ mức 7,5 triệu bao của cùng kỳ.

Uganda là nguyên nhân chính khiến xuất khẩu của khu vực này giảm mạnh do hạn hán ở một số vùng trồng cà phê của Uganda khiến sản lượng sụt giảm. Cụ thể, xuất khẩu của Uganda đã giảm 24,1% xuống 0,4 triệu bao trong tháng 4. Qua đó, đưa xuất khẩu của nước này trong 7 tháng đầu niên vụ hiện tại giảm xuống còn 3,3 triệu bao từ mức 3,4 triệu bao của cùng kỳ.

Ngoài ra, xuất khẩu của Ethiopia tăng mạnh 24,2% trong 7 tháng đầu niên vụ hiện tại trong khi Tanzania tăng nhẹ 0,1%.

Còn tại khu vực Trung Mỹ và Mexico, xuất khẩu của khu vực này trong tháng 4 đã tăng 0,8% lên 2,1 triệu bao và lũy kế trong 7 tháng tăng 4,7%, đạt tổng cộng 8,6 triệu bao.

Trong tháng 4, xuất khẩu của Costa Rica và Mexico giảm lần lượt là 33% và 12,3%, trái lại Guatemala và Nicaragua tăng lần lượt là 4,7% và 22%.

Honduras, nhà xuất khẩu lớn nhất trong khu vực, đã xuất khẩu gần 0,8 triệu bao trong tháng 4, đưa xuất khẩu của nước này trong 7 tháng đầu niên vụ hiện tại lên gần 3 triệu bao, tăng 1,1% so với cùng kỳ vụ trước.

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) đã công bố bản cập nhật quan trọng, mang tính bước ngoặt đầu tiên sau 15 năm, của Hiệp định Cà phê Quốc tế 60 năm tuổi, Daily Coffee News đưa tin.

Được thành lập vào năm 1962 để điều chỉnh hạn ngạch xuất khẩu cà phê nhằm giúp ổn định giá toàn cầu, Hiệp định Cà phê Quốc tế đã từng là một hiệp định đa phương giữa các chính phủ đại diện cho cả các nước sản xuất và tiêu thụ cà phê.

Trong lần điều chỉnh năm 2022, tư cách thành viên chính phủ vẫn là trọng tâm của thỏa thuận, song song đó là việc bổ sung phân khúc tư nhân - bao gồm các nhà bán lẻ, nhà rang xay và nhà sản xuất cà phê lớn nhất thế giới - với tư cách là các thành viên liên kết bình đẳng. Thỏa thuận này sẽ tạo điều kiện cho một "mặt trận thống nhất" hơn để giải quyết một loạt các vấn đề mà ngành cà phê toàn cầu đang phải đối mặt.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng tăng 11% cho niên vụ cà phê 2022 - 2023 (từ tháng 7/2022 đến tháng 6/2022) ở Brazil - nước trồng hàng đầu thế giới, cộng với sự gia tăng xuất khẩu, theo Nasdaq.

Trong dự báo đầu tiên cho vụ mùa mới của Brazil, USDA cho biết tổng sản lượng ước đạt 64,3 triệu bao loại 60kg. Đây là một trong những ước tính cao nhất cho quốc gia này được các nhà phân tích độc lập công bố tính đến nay.

USDA cũng dự kiến, Brazil sẽ sản xuất 41,5 triệu bao cà phê arabica - loại nhẹ hơn được các chuỗi thương hiệu cà phê hàng đầu thế giới như Starbucks và Restaurant Brands International sử dụng.

Con số này tăng 14% so với năm ngoái - thời điểm hạn hán khắc nghiệt và sương giá làm ảnh hưởng đến sản xuất. Nếu không có những tác động thời tiết này, sản lượng arabica thậm chí ở còn mức cao hơn so với mức dự báo cho niên vụ tới.

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 41.833 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 41.360 đồng/kg.
- Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn giảm 2,64% so với tuần trước xuống mức 2.113 USD/tấn.
- Các giống cà phê chè lai F1 được lựa chọn từ Trung Mỹ gồm Starmaya, Marsellesa, Centroamericano H1, Mundo Maya H16 được trồng tại các địa điểm thử nghiệm với các điều kiện tiểu khí hậu khác nhau tại Mường Ăng, Muổi Nọ (nóng và mưa nhiều), Mường Chanh, Chiềng Mai, Chiềng Pha (nhiệt độ trung bình, lượng mưa thấp), Tỏa Tình (lạnh, mưa nhiều) đều cho ra sản lượng tốt.
- UBND tỉnh Lâm Đồng đã tặng "Quy trình độc quyền canh tác cà phê Arabica hữu cơ vùng núi LangBiang" và nhận diện thương hiệu cho huyện Lạc Dương, với kỳ vọng cà phê hữu cơ Arabica Lạc Dương sẽ sớm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

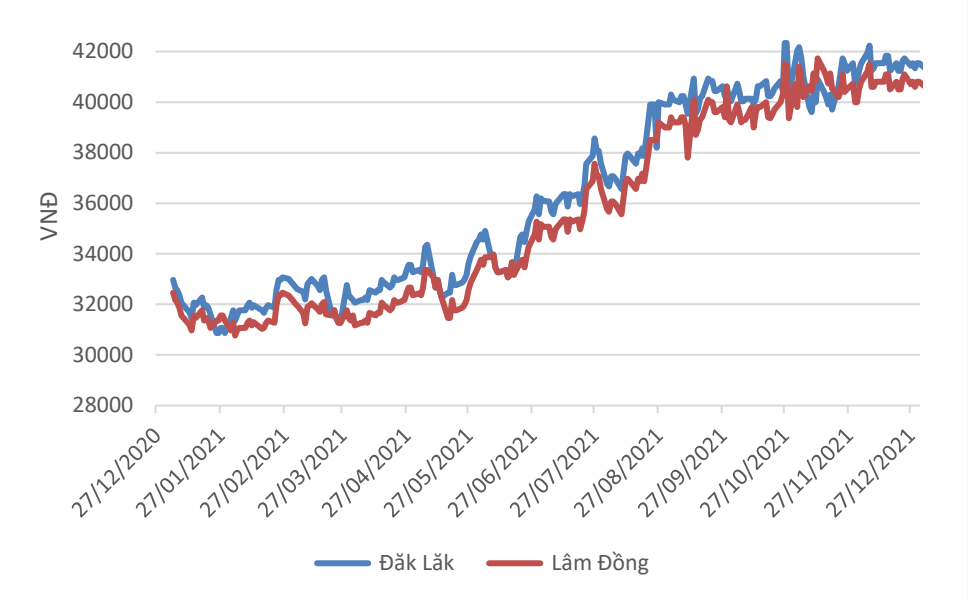

Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 41.833 đồng/kg, giảm 1,83% so với tuần trước và tăng 25,68% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta giảm 1,76% so với tuần trước, xuống mức bình quân 41.360 đồng/kg và tăng 24,25% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.113,0 USD/tấn, giảm 2,64% so với tuần trước.

Việt Nam là quốc gia sản xuất cà phê đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Brazil với sản lượng chủ yếu là cà phê robusta, chiếm 95%. Trong khi đó, cà phê chè (arabica) lại không phải thế mạnh của Việt Nam dù sở hữu nhiều đặc điểm tốt như khả năng kháng sâu bệnh, cây trưởng thành sớm, năng suất cao do chất lượng hạt không được đánh giá cao.

Tháng 12/2019, hơn 3.000ha cà phê đã thiệt hại sau một đợt rét lạnh cực đoan tại tỉnh Sơn La. Theo các chuyên gia, đến năm 2025, hơn một nửa diện tích cà phê trên khoảng 20.000ha tại khu vực Tây Bắc cần phải tái canh.

Điều này đã thúc đẩy CIRAD, Tập đoàn ECOM – một trong những tập đoàn cà phê lớn nhất thế giới và các viện nghiên cứu của Việt Nam cùng hợp tác thử nghiệm các giống cà phê lai F1 được lựa chọn từ Trung Mỹ để trồng tại Việt Nam.

Kết quả thử nghiệm cho thấy các giống cà phê chè lai F1 gồm Starmaya, Marsellesa, Centroamericano H1, Mundo Maya H16 được trồng tại các địa điểm thử nghiệm với các điều kiện tiểu khí hậu khác nhau tại Mường Ăng, Muổi Nọ (nóng và mưa nhiều), Mường Chanh, Chiềng Mai, Chiềng Pha (nhiệt độ trung bình, lượng mưa thấp), Tỏa Tình (lạnh, mưa nhiều) đều cho ra sản lượng tốt.

Về chất lượng hạt cà phê, trong khi giống Catimor bản địa cho tỷ lệ hạt lép và hạt lỗi khá cao thì các giống lai, đặc việt là giống Centroamericano H1 cho các hạt cà phê có kích thước lớn, chất lượng được cải tiến đáng kể, có vị thơm và hậu vị sau khi uống.

Việc giới thiệu và khảo nghiệm các giống mới này trước tiên được Liên minh châu Âu tài trợ thông qua dự án "Đánh giá và lựa chọn giống cà phê cho hệ thống nông lâm kết hợp" (BREEDCAFS) từ năm 2017 đến năm 2022, được Liên minh châu Âu và AFD tài trợ thông qua dự án ASSET kể từ năm 2021 đến năm 2024.

Với nhiều lợi thế để phát triển nông nghiệp hữu cơ, Tiến sĩ Phạm S – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng đã tặng "Quy trình độc quyền canh tác cà phê Arabica hữu cơ vùng núi LangBiang" và nhận diện thương hiệu cho huyện Lạc Dương, với kỳ vọng cà phê hữu cơ Arabica Lạc Dương sẽ sớm tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Quy trình được tác giả trình bày cụ thể từng khâu, từng cách triển khai thực tế từ khâu sản xuất đến định hướng thị trường, để trở thành cẩm nang cho nhà nông trong quá trình sản xuất cà phê hữu cơ Arabica dưới chân núi Langbiang. Trong đó, đáng chú ý là tạo vườn cà phê giá trị đa chức năng cảnh quan, canh tác hoàn toàn bằng sinh học, trồng những cây họ đậu để cung cấp dinh dưỡng và trồng cây cảnh quan (phượng tím) để ngăn cản sương muối, cung cấp phân xanh và che bóng mát…

Với quy trình canh tác này, sẽ tạo ra sản phẩm cà phê hữu cơ Arabica Lạc Dương và sẽ có sản phẩm OCOP cà phê hữu cơ Arabica đầu tiên của huyện. Đồng thời, tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất quy mô hợp tác xã và liên kết sản xuất, lấy doanh nghiệp làm hạt nhân, giúp nông dân giảm chi phí; xây dựng Lạc Dương trở thành huyện có diện tích cà phê Arabica chứng nhận hữu cơ lớn nhất cả nước.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 02/06 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 8.147 ha (tăng 1957 ha so với kỳ trước, giảm 1.149 ha so CKNT), nhiễm nặng 75 ha; đã phòng trừ trong kỳ 60.087 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Đăk Lak, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Trị, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai, … (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 7.634 ha (giảm 107 ha so với kỳ trước, tăng 471 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 17 ha; đã phòng trừ trong kỳ 14.278 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Gia Lai, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Bình Phước, Đồng Nai, Quảng Trị, …

Nguồn tham khảo:

1. https://www.theice.com/index
2. https:// www.iandmsmith.com/
3. https://www.comunicaffe.com
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. https://giacaphe.com
6. https://www.comunicaffe.com/
7. https://nghenong.com/2022/06/14/cuoc-cach-mang-ca-phe-che-o-viet-nam-nho-mo-hinh-nong-lam-ket-hop/
8. https://lamdong.gov.vn/sites/doanhnghiep/tintuc/SitePages/Tien-si-Pham-S-Ca-phe-huu-co-Arabica-Lac-Duong-se-tham-gia-chuoi-gia-tri-toan-cau.aspx

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**41,500**	**41,100**	**41,000**	**41,000**	**42,200**	**41,360**	**-740**
Bảo Lộc	41,500	41,100	41,000	41,000	42,200	41,360	-740
Di Linh	41,500	41,100	41,000	41,000	42,200	41,360	-740
Lâm Hà	41,500	41,100	41,000	41,000	42,200	41,360	-740
ĐẮK LẮK	**42,033**	**41,633**	**41,433**	**41,433**	**42,633**	**41,833**	**-780**
Cư M'gar	42,100	41,700	41,500	41,500	42,700	41,900	-780
Ea H'leo	42,000	41,600	41,400	41,400	42,600	41,800	-780
Buôn Hồ	42,000	41,600	41,400	41,400	42,600	41,800	-780
GIA LAI	**41,933**	**41,533**	**41,333**	**41,333**	**42,533**	**41,733**	**-800**
Pleiku	41,900	41,500	41,300	41,300	42,500	41,700	-800
Chư Prông	42,000	41,600	41,400	41,400	42,600	41,800	-800
La Grai	41,900	41,500	41,300	41,300	42,500	41,700	-800
ĐẮK NÔNG	**41,950**	**41,550**	**41,450**	**41,450**	**42,550**	**41,790**	**-760**
Đắk R'lấp	41,900	41,500	41,500	41,500	42,500	41,780	-720
Gia Nghĩa	42,000	41,600	41,400	41,400	42,600	41,800	-800
KON TUM	**42,000**	**41,600**	**41,400**	**41,400**	**42,600**	**41,800**	**-800**
Đắk Hà	42,000	41,600	41,400	41,400	42,600	41,800	-800
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	**2,132**	**2,094**	**2,092**	**2,101**	**2,146**	**2,113**	**-57**

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn